

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/KDTM-ST

Ngày: 13/8/2018

V/v: tranh chấp hợp đồng
mua bán.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: bà Đặng Thị Ánh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen
2. Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Mỹ Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa: bà Dương Thị Ngọc Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng mua bán, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp Sơn Đông, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S là bà Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1976. Địa chỉ: số 1/1, Lưu Văn Liệt, phường 2, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L (theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2018).

Bị đơn: -Bà Phạm Thị Kiều L, sinh năm 1978

Địa chỉ: số 98B/08, ấp Thanh Mỹ 1, xã Thanh Đ, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

-Ông Nguyễn Minh Nh, sinh năm 1977 (chồng bà Lê)

Địa chỉ: số 17 bis, hẻm Cây Khế, Lê Thái T, phường 2, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

Cả hai bị đơn đang sinh sống tại ấp Phước H, xã Hòa Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh Nh là bà Phạm Thị Kiều L, sinh năm 1978. Địa chỉ: số 98B/08, ấp Thanh Mỹ 1, xã Thanh Đ, huyện Long H, tỉnh Vĩnh L (theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2018 của nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Thanh Mỹ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn S là chủ hộ kinh doanh Kim mở cửa hàng bán thức ăn gia súc, gia cầm (có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh). Vợ chồng ông Nguyễn Minh Nh và bà Phạm Thị Kiều L (L là em bạn dì ruột với ông) có trang trại nuôi heo và giết mổ heo để bán, ông Nh và bà L đến cửa hàng của ông mua thức ăn cho heo, hai bên không ký hợp đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, vì bà con bạn dì nên ông đồng ý bán thiếu cho bà L. Phía ông chở thức ăn đến giao cho bà L và ghi vào sổ theo dõi, hình thức mua bán là mua lần sau trả tiền lần trước, quá trình mua bán bà L và ông Nh có trả tiền và có thiếu lại. Tính từ năm 2016 đến tháng 4/2017 bà L và ông Nh thiếu tổng cộng số tiền là 547.701.000đ. Đến ngày 07/02/2018 ông Nh có ký giấy xác nhận còn nợ ông số tiền 547.701.000đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng). Số nợ quá nhiều nhưng bà L và ông Nh không chịu trả, ông đòi thì bà Lê ông Nh hứa lần này đến lần khác. Nhận thấy vợ chồng bà L đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông nên ông khởi kiện yêu cầu bà L và ông Nh trả số tiền 547.701.000đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng), không yêu cầu trả lãi.

Các khoản mà bà L nài ra trong hòa giải và yêu cầu ông phải khấu trừ số tiền 360.750.000đ hoàn toàn không có nên ông không đồng ý khấu trừ cho bà L và ông Nh.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị Kiều Lê trình bày:

Vào khoảng tháng 02/2014 bà có đến cửa hàng của ông S mua thức ăn cho heo để nuôi heo với hình thức nuôi trang trại, hai bên không có ký hợp đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Bà đã mua bao nhiêu bao thức ăn thì không nhớ, hai bên thỏa thuận bà lấy thức ăn về nuôi heo, khi nào bán heo thì trả tiền cho ông S , mỗi đợt nuôi heo khoảng 03-04 tháng, thời gian mua hàng của ông khoảng 02 năm, số tiền thiếu ông S là 547.701.000đ.

Sau đó bà phát hiện ông S bán thức ăn cho người khác cùng địa phương giá rẻ hơn bán cho bà mỗi bao là 40.000đ. Bà có mời ông S đến nhà để nói chuyện

việc bán thức ăn giá chênh lệch quá cao nhưng ông không đồng ý, lúc này bà có trả cho ông số tiền khoảng 90.000.000đ nhưng bà không yêu cầu ông S làm biên nhận. Không nhớ thời gian ông bắt của bà 02 đợt heo tổng cộng 70 con, mỗi con 70kg, giá 40.000đ/kg với số tiền 196.000.000đ, việc ông S bắt heo hai bên không có làm giấy tờ và cũng không có tính toán để khấu trừ tiền bà còn thiếu ông S. Sau đó bà có yêu cầu ông S khấu trừ các khoản cho vợ chồng bà gồm: tiền 70 con heo, mỗi con 70 kg, giá 40.000đ/kg bằng 196.000.000đ, tiền tinh heo công ty giao cho bà nhưng ông S nhận là 65.000.000đ, tiền chênh lệch thức ăn 40.000đ/bao khoảng 2.000 bao bằng 80.000.000đ, tiền công ty hỗ trợ 8.000đ/ bao thức ăn gồm 2.000 bao bằng 16.000.000đ, 05 cái máng cho heo ăn công ty hỗ trợ cho bà nhưng ông S đã nhận không giao lại cho bà mỗi cái 750.000đ x 05 cái bằng 3.750.000đ, tổng cộng 360.750.000đ, nhưng ông S không đồng ý khấu trừ nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Bà L thừa nhận còn thiếu ông S số tiền 547.701.000đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng), nhưng yêu cầu ông phải khấu trừ số tiền 360.750.000đ (547.701.000đ – 360.750.000đ), còn lại 186.951.000đ đồng ý trả cho ông .

- Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Minh Nh trình bày:

Việc giao dịch mua bán với ông S do vợ ông Phạm Thị Kiều L là người trực tiếp thực hiện và cũng có nhiều lần ông nhận hàng khi ông S giao. Ngày 07/02/2018 ông đến trại heo gặp ông kêu ký xác nhận nợ để quyết toán với công ty nên ông có ký giấy xác nhận còn nợ ông S số tiền 547.701.000đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng). Ông thống nhất với ý kiến của bà L, thừa nhận vợ chồng ông còn thiếu ông S số tiền 547.701.000đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng), nhưng yêu cầu ông S phải khấu trừ cho vợ chồng ông số tiền 360.750.000đ (547.701.000đ – 360.750.000đ), còn lại 186.951.000đ đồng ý trả cho ông S.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn không cung cấp chứng cứ gì mới, không có ai yêu cầu triệu tập người làm chứng hoặc yêu cầu đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng. Các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 547.701.000đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng), không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 547.701.000đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng), nhưng yêu cầu nguyên đơn phải khấu trừ số tiền 360.750.000đ, còn lại 186.951.000đ bị đơn đồng ý trả cho nguyên đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn .

Ý kiến của Kiểm sát viên:

-Về thủ tục tố tụng:

- Đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 30, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các Điều 195, 196, 197 và Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

-Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 24, 50 Luật thương mại 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn

Buộc Phạm Thị Kiều L và Nguyễn Minh Nh phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền nợ thức ăn gia súc là 547.701.000 đồng (năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng).

Án phí: Buộc bà Lê và ông Nh chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn khởi kiện bị đơn, cư trú tại ấp Thanh Mỹ 1, xã Thanh Đức, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh bán thức ăn gia súc cho bị đơn để nuôi heo với hình thức trang trại, các bên đều có mục đích lợi nhuận, vì vậy quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật thương mại năm 2005.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn đòi ông Nguyễn Minh Nh và bà Phạm Thị Kiều L trả số tiền 547.701.000đ xét thấy:

Từ năm 2016 đến tháng 4/2017 ông S có bán thức ăn gia súc cho bà L và ông Nh, quá trình mua bán các bên đều thừa nhận không ký kết hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, bà L và ông Nh thừa nhận còn thiếu ông S số tiền là 547.701.000đ. Như vậy hợp đồng mua bán giữa các bên là có thật. Ngày 07/02/2018 ông Nh ký giấy xác nhận còn nợ ông S số tiền 547.701.000đ (Năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng). Bà L và ông Nh cho rằng ông S phải khấu trừ số tiền 360.750.000đ, còn lại 186.951.000đ mới đồng ý trả cho ông . Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa bà L không chứng minh được là ông S bắt của bà 70 con heo, mỗi con 70 kg, giá 40.000đ/kg bằng 196.000.000đ, tiền tinh heo công ty giao cho bà nhưng ông S nhận là 65.000.000đ, tiền chênh lệch thức ăn 40.000đ/bao khoảng 2.000 bao bằng 80.000.000đ, tiền công ty hỗ trợ 8.000đ/ bao thức ăn gồm 2.000 bao bằng 16.000.000đ, 05 cái máng cho heo ăn công ty hỗ trợ nhưng ông S đã nhận không giao lại mỗi cái 750.000đ x 05 cái bằng 3.750.000đ, tổng cộng là 360.750.000đ, ông Nh và bà Lê không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh, như vậy lời trình bày của ông Nh và bà L không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy buộc ông Nguyễn Minh Nh và bà Phạm Thị Kiều L phải liên đới trả cho ông S số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 547.701.000đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng), phần tiền lãi ông không yêu cầu nên không xem xét.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[4]Về án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Minh Nh và bà Phạm Thị Kiều L liên đới nộp 25.908.040đ làm tròn 25.908.000đ(Hai mươi lăm triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại 2005; Điều 288 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.

2. Buộc ông Nguyễn Minh Nh và bà Phạm Thị Kiều L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Văn S số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 547.701.000đ (năm trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm lẻ một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại năm 2005.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Minh Nh và bà Phạm Thị Kiều L liên đới chịu 25.908.000đ (Hai mươi lăm triệu chín trăm lẻ tám nghìn đồng) tiền phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.954.000đ (Mười hai triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001495 ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDT Vĩnh Long;
- VKSND cùng cấp;
- CC THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ánh Bình